BSC

Thứ năm, ngày 7 tháng 10 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/10/2021		•	
Tuần 4/10-8/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Tổng quan

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư chảy vào thị trường khi có 11/19 nhóm ngành vận động khả quan so với phiên trước. Các nhóm ngành giúp thị trường tăng điểm là: Truyền thông, Hàng & Dịch vụ công nghiệp và Dịch vụ tài chính. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng tại cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản tăng nhẹ cùng với biên độ co hẹp cho thấy đà tăng đang có dấu hiệu suy yếu dần. VN-Index nhiều khả năng sẽ duy trì nhịp vận động trong vùng điểm 1350-1370 trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: TIP_Hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

• VN-Index +3.17 điểm, đóng cửa 1,365.99 điểm. HNX-Index +1.93 điểm, đóng cửa 370.4 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.19), VPB (+0.99), SSB (+0.52), GVR (+0.37), MSB (+0.34)
• Kéo chỉ số giảm: GAS (-1.24), HPG (-0.59), VHM (-0.57), NVL (-0.35), TCB (-0.28)
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 18,654 tỷ đồng, tăng 7.2% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,926 tỷ đồng.
• Biên độ dao động là 7 điểm. Thị trường có 228 mã tăng, 38 mã tham chiếu và 192 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -579.33 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-225.86 tỷ), SBT (-120.71 tỷ), PAN (-88.17 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -10.48 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1365.99**
Giá trị: 18654.23 tỷ 3.17 (0.23%)
Khối ngoại (ròng): -579.33 tỷ

HNX-INDEX **370.40**
Giá trị: 2045.61 tỷ 1.93 (0.52%)
Khối ngoại (ròng): -10.48 tỷ

UPCOM-INDEX **97.96**
Giá trị: 1902.61 tỷ 0.58 (0.6%)
Khối ngoại (ròng): -38.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.3	-2.82%
Giá vàng	1,763	0.00%
Tỷ giá USD/VND	22,761	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,319	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	20,443	0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	0.28%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	38.6	HPG	-225.9
DHC	35.2	SBT	-120.7
KBC	27.5	PAN	-88.2
POW	26.6	QNS	-58.7
MML	18.1	CTG	-54.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

10/7/2021

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	76.72	-0.92%	2.30%	12.60%	76.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	80.62	-0.57%	2.90%	13.50%	76.64%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	230.19	-0.27%	4.90%	11.60%	86.93%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1760.05	-0.15%	0.20%	-1.90%	-7.56%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.61	-0.05%	2.00%	-7.00%	-7.28%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1244.50	0.20%	-0.90%	-2.50%	29.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	746.75	0.10%	2.90%	3.80%	23.28%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.63	0.22%	2.00%	6.60%	13.05%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	189.00	-0.46%	1.00%	-2.30%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.77	-0.40%	0.30%	-2.70%	47.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	193.45	0.81%	0.00%	0.20%	66.98%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9045.50	-1.40%	-1.20%	-4.30%	35.43%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	876.52	0.55%	0.60%	10.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	885.21	0.69%	0.70%	5.50%			
Nhôm	USD/ton	2897.00	-0.82%	-0.50%	4.50%	62.43%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	112.80	6.64%	9.10%	-12.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	193.75	-18.69%	3.50%	26.00%	194.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HĐTL dầu thô Brent giảm 1,48 USD tương đương 1,8% xuống 81,08 USD/thùng, trong phiên có lúc đạt 83,47 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 10/2018.

• Giá dầu thô Tây Texas WTI giảm 1,5 USD tương đương 1,9% xuống 77,43 USD/thùng, trong phiên có lúc đạt 79,78 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 11/2014.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,1% lên 1.760,78 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn New York tăng 0,1% lên 1.761,8 USD/ounce.

• Giá vàng tăng do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm, song đồng USD tăng mạnh đã hạn chế đà tăng giá vàng.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 3/2022 trên sàn Osaka tăng 3,5 JPY tương đương 1,7% lên 214,5 JPY/kg – cao nhất kể từ cuối tháng 8/2021. Giá cao su tại Nhật Bản tăng lên do kỳ vọng các biện pháp kích thích bởi chính phủ mới sẽ thúc đẩy nền kinh tế phục hồi mạnh. Bên cạnh đó, đồng JPY giảm so với đồng USD cũng hỗ trợ giá.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn ICE tăng 1,55 US cent tương đương 0,8% lên 1,9345 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London tăng 5 USD tương đương 0,2% lên 2.116 USD/tấn.

• Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn London tăng 1 USD tương đương 0,2% lên 508,5 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2022 trên sàn ICE giảm 0,08 US cent tương đương 0,4% xuống 19,77 US cent/lb.

	7/10	% 7/10	6/10	% 6/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1365.99	0.23%	1362.82	0.60%	1.78%	1.80%
S&P 500			4363.55	0.41%	0.09%	-3.79%
HĐTL S&P500	4375.75	0.50%	4354.00	0.46%	1.81%	-2.97%
Shang- hai	3568.17	0.90%	3536.29	-1.83%	-2.03%	1.31%
Euro Stoxx	4066.45	1.34%	4012.65	-1.30%	0.45%	-3.75%

BSC

10/7/2021

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật
TIP_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: TIP đang nằm tỏng xu hướng hồi phục từ hỗ trợ 40.0. Thanh khoản cổ phiếu đang ở mức giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu đang hấp dẫn dòng tiền. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và MA50, ủng hộ nhịp vận động khả quan. Chỉ báo MACD sắp chuyển sang xu hướng tích cực và chỉ báo RSI đang ủng hộ nhịp hồi phục này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 43.3, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 48.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 41.0.

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	1.39%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.21%
Dịch vụ tài chính	1.01%
Hóa chất	0.83%
Xây dựng và Vật liệu	0.65%
Bất động sản	0.41%
Công nghệ Thông tin	0.39%
Ngân hàng	0.35%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.21%
Ô tô và phụ tùng	0.17%
Bảo hiểm	0.02%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.04%
Y tế	-0.05%
Thực phẩm và đồ uống	-0.08%
Dầu khí	-0.23%
Tài nguyên Cơ bản	-0.51%
Du lịch và Giải trí	-0.69%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.13%

Hình 1

HSX-Index Intraday

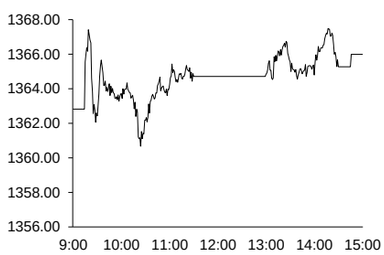

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

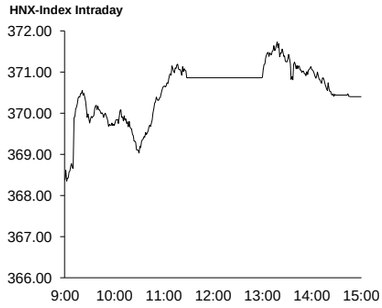

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/10/2021	DRC	33.7	37	31.3	34.05	1	1.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/10/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	35.6	2	2.74%	Có thể tiếp tục mua
4/10/2021	GVR	37.1	44.5	36	38.2	3	2.96%	Có thể tiếp tục mua
1/10/2021	CII	18.5	20.5	17.7	18.8	6	1.62%	Có thể tiếp tục mua
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	12.35	7	1.65%	Có thể tiếp tục mua
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	22.35	8	7.45%	Có thể tiếp tục mua
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	55.6	9	5.70%	Có thể tiếp tục mua
24/9/21	TCH	18.05	21	17	17.3	13	-4.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
20/9/21	VNM	88.7	95	85	88.8	17	0.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/9/21	VRE	28.55	32	27	29.3	22	2.63%	Có thể tiếp tục mua
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	42.35	24	2.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	56.6	28	9.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	28.4	37	13.78%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	18.25	51	14.78%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	15.6	56	16.85%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	14	1	5.95%	-4.16%	5.27%	19
Cổ phiếu đã chốt	190	127	14.07%	-7.88%	5.28%	25

BSC

10/7/2021

Vietnam Daily Review

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

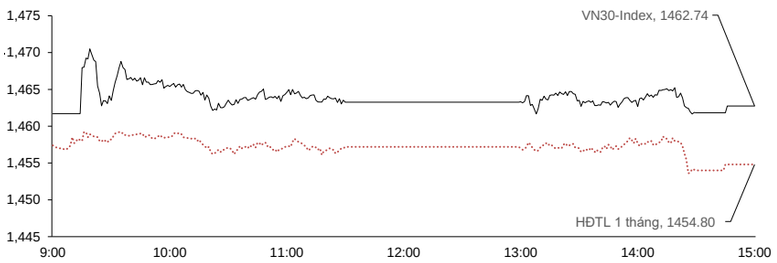

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	35.65	4.17	2.53
VCB	96.80	1.26	0.54
SSI	40.70	1.88	0.53
MBB	27.65	0.55	0.35
VIC	88.80	0.23	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1454.80	0.19%	-7.94	-11.0%	94,204	10/21/2021	14
VN30F2111	1451.50	0.20%	-11.24	86.8%	198	11/18/2021	42
VN30F2112	1450.00	0.11%	-12.74	-5.3%	18	12/16/2021	70
VN30F2203	1449.80	0.15%	-12.94	512.5%	49	3/17/2022	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	55.6	-0.89	-1.36
TCB	50.0	-0.60	-0.76
NVL	104.1	-0.86	-0.52
VHM	80.0	-0.62	-0.48
VNM	88.8	-0.56	-0.46

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +1.02 điểm lên 1462.74 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VCB, HPG, TCB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1460-1470 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2110 và VN30F2112 đang giảm, trong khi VN30F2111 và VN30F2203 đang tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2110 và VN30F2203 đang giảm, trong khi VN30F2111 và VN30F2112 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2108	7/3/2022	269	5:1	2,635,100	38.85%	2,200	2,300	15.00%	9	261.96	75,500	64,500	35,650
CKDH2105	12/27/2021	81	4:1	177,400	33.43%	2,150	2,190	2.82%	1,466	1.49	#N/A	37,600	42,350
CVRE2106	1/6/2022	91	2:1	966,500	38.43%	2,300	2,130	0.00%	1,544	1.38	39,500	28,000	29,300
CFPT2105	1/6/2022	91	4.95:1	161,100	32.14%	3,500	3,790	-0.26%	2,464	1.54	103,500	86,000	94,300
CMWG2107	1/6/2022	91	5:1	195,600	36.33%	6,600	7,570	-0.26%	221	34.25	198,000	165,000	128,000
CKDH2104	1/19/2022	104	2:1	236,900	33.43%	3,500	2,130	-0.47%	1,274	1.67	51,000	44,000	42,350
CVJC2101	1/6/2022	91	5:1	110,600	24.08%	3,550	3,400	-0.58%	2,476	1.37	137,750	120,000	128,800
CMSN2105	1/6/2022	91	5:1	209,400	40.44%	5,000	4,620	-0.65%	4,008	1.15	153,000	128,000	141,700
CHPG2110	12/6/2021	60	5:1	312,900	37.92%	2,400	3,080	-0.65%	2,426	1.27	56,000	44,000	55,600
CVHM2107	1/6/2022	91	5:1	172,400	33.88%	3,900	2,950	-0.67%	44	67.77	129,500	110,000	80,000
CHPG2109	1/10/2022	95	1:1	216,800	37.92%	4,000	7,800	-1.02%	4,904	1.59	59,000	55,000	55,600
CFPT2103	1/7/2022	92	5:1	321,300	32.14%	3,000	2,270	-1.30%	842	2.69	115,000	100,000	94,300
CVIC2105	1/6/2022	91	4.44:1	294,100	33.59%	3,250	1,400	-1.41%	1,209	1.16	136,250	120,000	88,800
CVRE2109	3/7/2022	151	4:1	979,700	38.43%	1,100	1,170	-1.68%	823	1.42	33,400	29,000	29,300
CHPG2113	3/7/2022	151	4:1	1,255,100	37.92%	2,400	3,110	-2.20%	2,023	1.54	61,100	51,500	55,600
CHPG2111	1/6/2022	91	5:1	1,221,100	37.92%	1,700	2,900	-3.01%	1,851	1.57	56,500	48,000	55,600
CTCB2109	3/7/2022	151	4:1	305,200	38.67%	2,200	2,240	-3.03%	1,351	1.66	58,800	50,000	50,000
CVHM2110	3/7/2022	151	7.59:1	567,800	33.88%	1,800	1,320	-6.38%	730	1.81	98,654	84,994	80,000
CVPB2106	1/19/2022	104	5:1	652,400	38.85%	2,500	2,450	-7.89%	1	1,814.81	77,500	65,000	35,650
CVPB2107	3/14/2022	158	1:1	73,600	38.85%	5,000	5,350	-8.70%	11	503.77	#N/A	74,000	35,650
			Tổng	8,429,900	35.52%**								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất*** ***CR: Tỷ lệ chuyển đổi***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75% ***Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn***

****Trung bình độ lệch chuẩn*** ****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

• CVPB2108 tăng mạnh 15.00%. Trái lại, CKDH2106 giảm mạnh -14.80%. Giá trị giao dịch giảm -1.70%. CVPB2108 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.36% thị trường.

• CMSN2105, CVIC2105, CHPG2110, CMSN2104, và CVJC2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2109, và CHPG2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNL2103, CSTB2109, và CSTB2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	128.0	-0.2%	0.9	3,967	5.4	6,428	19.9	5.0	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	97.0	-1.1%	1.0	959	1.8	5,812	16.7	3.9	48.2%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	61.9	1.5%	1.4	1,998	6.2	2,522	24.5	2.2	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	47.0	-3.9%	0.5	457	1.6	3,491	13.5	1.4	55.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	88.8	0.2%	0.7	14,691	8.9	1,767	50.3	3.7	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	29.3	-0.3%	1.1	2,895	5.2	1,195	24.5	2.2	29.6%	9.3%
VHM	Bất động sản	80.0	-0.6%	1.0	15,146	8.9	7,714	10.4	3.6	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	20.9	5.8%	1.3	542	12.2	1,379		1.5	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	40.7	1.9%	1.5	1,739	14.9	1,861	21.9	3.6	44.4%	16.5%
VCI	Chứng khoán	60.5	1.7%	1.0	876	9.8	3,466	17.5	3.8	20.0%	25.4%
HCM	Chứng khoán	49.0	-1.0%	1.6	650	11.5	2,899	16.9	3.1	47.7%	19.4%
FPT	Công nghệ	94.3	-0.1%	0.9	3,721	6.2	4,234	22.3	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	81.3	-0.6%	0.4	1,161	0.1	4,304	18.9	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	111.0	-2.2%	1.3	9,237	10.9	4,077	27.2	4.5	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	54.0	0.2%	1.5	2,983	6.5	3,216	16.8	2.8	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.4	-1.4%	1.7	590	12.7	1,136	25.0	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.5	-3.3%	0.8	2,763	17.2	(909)		2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.9	0.3%	0.3	568	0.1	5,761	17.3	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	38.4	0.7%	0.8	653	12.4	2,903	13.2	1.7	9.8%	13.6%
DCM	Hóa chất	29.2	-0.3%	0.7	671	7.3	1,169	24.9	2.3	3.6%	9.4%
VCB	Ngân hàng	96.8	1.3%	1.1	15,610	3.3	5,534	17.5	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.2	-0.6%	1.3	6,846	1.7	2,464	15.9	1.9	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	29.4	0.2%	1.4	6,133	10.1	3,417	8.6	1.5	24.6%	19.0%
VPB	Ngân hàng	35.7	4.2%	1.2	6,891	19.1	2,807	12.7	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	27.7	0.5%	1.2	4,542	7.8	2,764	10.0	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	31.2	-0.5%	1.0	3,665	2.9	3,589	8.7	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.0	1.7%	0.7	189	0.2	4,762	11.1	1.9	83.7%	16.4%
NTP	Nhựa	51.0	0.0%	0.4	261	0.1	4,085	12.5	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	25.0	9.2%	0.7	1,195	3.5	39	641.0	2.0	10.1%	0.3%
HPG	Thép	55.6	-0.9%	1.1	10,813	65.2	5,616	9.9	3.4	25.7%	39.8%
HSG	Thép	47.6	-1.6%	1.4	1,021	24.0	7,745	6.1	2.4	11.9%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	88.8	-0.6%	0.6	8,069	11.5	4,572	19.4	5.9	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	158.6	0.1%	0.8	4,422	0.3	7,293	21.7	4.9	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	141.7	-0.4%	0.9	7,273	3.4	1,787	79.3	7.8	32.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.0	0.0%	1.2	574	8.9	1,070	19.6	1.7	9.8%	8.5%
ACV	Vận tải	86.0	0.5%	0.8	8,140	0.2	577	149.0	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	128.8	-0.5%	1.1	3,033	4.2	279		4.1	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	26.0	0.2%	1.7	2,503	0.8	(7,644)		N/A	N/A	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	49.7	3.5%	1.0	651	8.1	1,357	36.6	2.4	41.6%	6.7%
PVT	Vận tải	24.7	3.1%	1.4	347	10.0	2,487	9.9	1.6	13.6%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	128.3	0.2%	0.9	893	1.2	9,519	13.5	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.6	1.7%	0.4	694	1.2	2,098	17.0	2.5	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.8	-1.2%	0.9	411	3.9	1,653	15.0	1.7	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	70.5	-1.4%	1.0	226	0.8	2,005	35.2	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	18.8	-1.1%	0.6	195	2.9	127	148.2	0.9	21.8%	0.6%
REE	Điện	71.3	-0.7%	-1.4	958	1.8	5,807	12.3	1.8	49.0%	15.8%
PC1	Điện	39.3	-1.4%	-0.4	326	2.7	3,445	11.4	1.7	8.3%	17.5%
POW	Điện	12.7	-1.6%	0.6	1,288	9.5	1,079	11.7	1.0	2.9%	8.7%
NT2	Điện	22.4	1.8%	0.5	280	1.9	1,093	20.4	1.6	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	46.0	3.8%	1.1	940	31.6	1,808	25.4	2.1	17.3%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	45.0	1%	1.0	2,025	0.3			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	96.80	1.26	1.17	797200
VPB	35.65	4.17	0.93	12.45MLN
SSB	37.60	3.87	0.50	2.02MLN
GVR	38.20	0.92	0.37	4.04MLN
MSB	22.20	4.95	0.32	6.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	54.80	2.24	0.54	2.08MLN
SHS	37.20	1.64	0.34	3.47MLN
TIG	17.40	8.75	0.20	2.73MLN
L18	45.30	9.95	0.12	132800.00
CEO	11.20	3.70	0.12	7.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.26	2.26MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.59	26.77MLN	607060
VHM	0.00	-0.57	2.56MLN	373600
NVL	0.00	-0.35	2.44MLN	192700
TCB	0.00	-0.28	5.41MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	27.50	-1.43	-0.31	119000
PVS	28.40	-1.39	-0.18	10.24MLN
BII	14.60	-9.88	-0.15	2.17MLN
BAB	22.00	-0.45	-0.13	33400
PVI	47.00	-3.89	-0.13	790900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBB	39.05	6.99	0.07	409200.00
SII	16.10	6.98	0.02	600
PAN	30.70	6.97	0.11	8.13MLN
SHA	9.07	6.96	0.01	303700
HRC	57.20	6.92	0.03	300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BNA	38.70	37.4	0.09	96100
NFC	12.10	10.0	0.01	900
L18	45.30	10.0	0.12	132800
VE8	8.90	9.9	0.00	1500
FID	5.60	9.8	0.01	730600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	35.40	-6.96	-0.02	36300
LEC	12.10	-6.92	-0.01	1300
PGD	37.70	-6.91	-0.07	66000.00
ASP	15.20	-6.75	-0.01	1.39MLN
LGC	51.90	-6.49	-0.18	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MIM	9.10	-9.90	0.00	300
BII	14.60	-9.88	-0.15	2.17MLN
VBC	25.80	-9.79	-0.01	4200
CMC	6.50	-9.72	0.00	400
PRC	19.50	-9.72	0.00	2000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

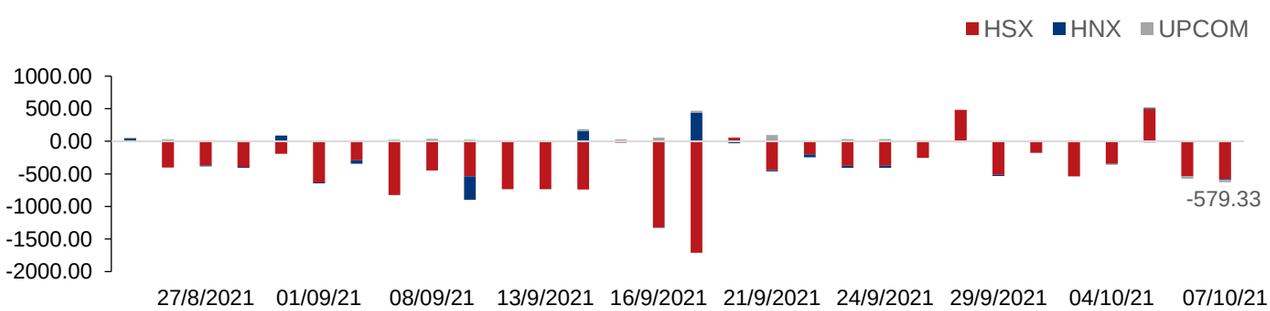

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.2	3,589	8.7	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.8	1,686	18.9	1.7	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.0	566	21.2	1.2	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	11.2	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	51.2	3,949	13.0	2.1	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	29.4	3,417	8.6	1.5	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	59.0	10,677	5.5	1.5	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	29.2	1168.9	24.9	2.3	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	150.0	5,868	25.6	5.7	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	117.0	4,602	25.4	7.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	57.6	4,905	11.7	3.1	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	38.4	2,903	13.2	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.1	2,868	11.9	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	20.9	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	94.3	4,234	22.3	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	111.0	4,077	27.2	4.5	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	38.2	1,180	32.4	3.2	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	55.6	5,616	9.9	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	47.6	7,745	6.1	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.7	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	22.3	1,860	12.0	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	42.4	1,966	21.5	3.1	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	54.0	6,776	8.0	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.7	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	128.0	6,428	19.9	5.0	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	48.3	6,786	7.1	2.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	43.3	3,926	11.0	1.9	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.4	1,093	20.4	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.3	3,445	11.4	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	97.0	5,812	16.7	3.9	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.7	1,079	11.7	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.8	0	1079.1	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.4	1,136	25.0	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.0	1,070	19.6	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.9	1,064	35.6	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	55.2	15635.6	3.5	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.0	4,613	10.8	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.8	5,534	17.5	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.9	570	36.7	1.7	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	55.6	4,035	13.8	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	80.0	7,714	10.4	3.6	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	88.8	4,572	19.4	5.9	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	35.7	2,807	12.7	2.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.3	1,195	24.5	2.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	61.2	5,006	12.2	1.8	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.7	3,256	25.7	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
2	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
5	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
8	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
15	Banking Sector Outlook		x	Click
16	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
18	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
19	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
20	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
21	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
23	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
24	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
25	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
26	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
28	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
29	Fishery Outlook 2021		x	Click
30	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
31	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
32	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
34	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
35	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
40	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639